

TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU QUA TƯ LIỆU DI VĂN HÁN NÔM Ở TÂY NINH

(Khảo sát Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu)

• Mai Thế Mạnh^(*)

Tóm tắt

Tín ngưỡng thờ Mẫu là hệ thống giá trị tâm linh thể hiện niềm tin, sự ngưỡng vọng, cung kính đến Mẫu; mong ước những điều tốt đẹp trong cuộc sống vật chất và tinh thần của con người. Tín ngưỡng thờ Mẫu có vị trí rất quan trọng trong đời sống tinh thần người dân Tây Ninh. Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu là hai cơ sở thờ tự tiêu biểu. Tinh thần tín ngưỡng thờ Mẫu không chỉ biểu hiện qua lễ hội, đối tượng thờ cúng, vật thờ... mà còn thể hiện sâu sắc qua hệ thống di văn Hán Nôm. Bài viết này chúng tôi chủ yếu tìm hiểu các hoành phi, liễn đối trong hai cơ sở thờ tự để thấy được phần nào tinh thần của Đạo Mẫu ở Tây Ninh.

Từ khóa: Tín ngưỡng thờ Mẫu, di văn Hán Nôm, Tây Ninh, Linh Sơn Tiên Thạch Tự, Miếu Thiên Hậu.

1. Đặt vấn đề

Hoành phi, liễn đối tại Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu ở Tây Ninh là những di văn Hán Nôm góp phần phong phú hóa hệ thống di sản văn hóa quý giá cho vùng đất này. Các di văn Hán Nôm là sợi dây liên kết giữa quá khứ với hiện tại, là nguồn tư liệu quan trọng giúp thế hệ hôm nay và mai sau tìm về cội nguồn lịch sử, văn hóa của dân tộc. Đời sống tâm linh của người dân Tây Ninh khá phong phú, đa dạng và có nhiều nét riêng biệt; trong đó, tín ngưỡng thờ Mẫu luôn chiếm một vị trí quan trọng. Việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu qua tư liệu di văn Hán Nôm phần nào cho thấy nguồn gốc, đời sống tinh thần của các tộc người Hoa, Việt nơi đây. Để có kết quả thuyết phục, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điền dã, tiếp cận trực tiếp, ghi chép, chụp tư liệu, vẽ sơ đồ vị trí các hoành phi, câu đối tại hai cơ sở thờ tự. Đồng thời, kết hợp sử dụng các thủ pháp miêu tả, phân tích, so sánh đối chiếu, thống kê, nhằm chỉ ra đặc điểm, nội dung của các di văn Hán Nôm tại Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu thể hiện tín ngưỡng thờ Mẫu ở Tây Ninh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê, tín ngưỡng là “tin theo một tôn giáo nào đó” [3, tr. 960]. Ở góc độ văn hóa, tín ngưỡng là hệ thống giá trị tâm linh hướng đến các thế lực siêu nhiên, mong ước sự tốt đẹp trong cuộc sống vật chất và tinh thần của con người.

Hán Việt tự điển của Thiều Chửu, giải thích Mẫu có nghĩa là mẹ: “phàm vật gì làm cốt để sinh ra các cái đều gọi là mẫu” [1, tr. 80]. Trong tiếng Việt, mẹ còn được gọi là mẹ, mạ, má, me, mụ, mợ...

Nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh chỉ rõ “nghĩa ban đầu, Mẫu hay Mẹ đều để chỉ một người phụ nữ đã sinh ra một người nào đó, là tiếng xưng hô của con đối với người sinh ra mình. Ngoài ý nghĩa xưng hô thông thường, từ Mẫu và Mẹ còn bao hàm ý nghĩa tôn xưng, tôn vinh” [4, tr. 21]. Trong văn hóa, văn học Việt Nam xuất hiện cách gọi Mẹ Âu Cơ, Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thượng Thiên... hoặc đơn thuần gọi ngắn gọn, gần gũi Mẫu hay Mẹ.

Tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Mẹ xuất phát từ sự coi trọng người phụ nữ đối với những công lao của họ. Nhân dân ta đã sùng bái sự sinh sôi nảy nở, không chỉ con người mà còn của tự nhiên vạn vật tạo nên tín ngưỡng phồn thực mang đậm chất dân gian. Trong nghiên cứu của mình, giáo sư Trần Quốc Vượng cũng khẳng định nguyên lí Mẹ được coi là nền tảng gốc của văn hóa Việt. Ở các tín ngưỡng dân gian, các vị thần được mọi người tôn vinh là Mẫu thường “gắn với hiện tượng tự nhiên vũ trụ - được người đời gán cho chức năng sáng tạo, bảo trì và che chở cho sự sống của con người” và “những người khi sống đều tài giỏi, có công lao lớn đối với dân với nước, khi mất hiển linh” [4, tr. 23]. Tín ngưỡng thờ Mẫu thể hiện “ý thức dân sinh”, ý thức cội nguồn. Lòng yêu nước nồng nàn được đẩy lên cung bậc cao hơn đó là linh thiêng hóa mà Mẫu là biểu tượng cao nhất.

Như vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu là hệ thống giá

^(*) Trường Đại học Thủ Dầu Một.

trị tâm linh thể hiện niềm tin, sự ngưỡng vọng, cung kính đến Mẫu, mong ước những điều tốt đẹp trong cuộc sống vật chất và tinh thần của con người. Những nội dung trên được thể hiện sâu sắc qua hai nơi thờ tự nói chung và các di văn Hán Nôm có trong đó.

Ở Miếu Thiên Hậu và Linh Sơn Tiên Thạch Tự các di văn Hán Nôm tồn tại trên các chất liệu: đá, gỗ, vôi, giấy. Di văn Hán Nôm là tinh hoa văn hóa, thể hiện tinh thần của đạo Mẫu và tâm tư nguyện vọng của con người. Trong bài viết, chúng tôi tập trung nghiên cứu các bức hoành phi và liễn đối tồn tại ở hai cơ sở thờ tự này. Hiện ở hai cơ sở thờ tự, số lượng di văn còn đáng kể, bao gồm 26 bức hoành phi lớn nhỏ (Miếu Thiên Hậu: 17 bức; Linh Sơn Tiên Thạch Tự: 9 bức), 16 cặp liễn đối (Miếu Thiên Hậu: 7 cặp; Linh Sơn Tiên Thạch Tự: 9 cặp).

2.2. Cụm di tích Linh Sơn Tiên Thạch Tự

2.2.1. Lược sử

Linh Sơn Tiên Thạch Tự, thường gọi là chùa Phật, chùa Thượng, chùa Bà, là quần thể chùa gồm: hang Điện Bà, chùa Phật và chùa Tổ. Quần thể chùa tọa lạc trên Núi Bà Đen thuộc địa phận xã Thạnh Tân, cách trung tâm thành phố Tây Ninh chỉ khoảng 10km về hướng Đông Bắc. Điện Bà ở độ cao 250m so với mực nước biển, nằm bên sườn mé Đông Nam của núi. Do tự nhiên và cả do công lao khai sơn phá thạch của nhiều đời tăng ni mà quanh ngôi Điện đã có một khoảng sân rộng trên 2.000m². Quần tụ quanh đây còn có ngôi chùa Phật và chùa Tổ, là những ngôi chùa chính của hệ thống các chùa trên núi. Hang Điện Bà trước đây là một hang tự nhiên do đá núi chồm ra che một mặt bằng rộng khoảng 30m², trần hang cao từ 2,2m đến 2,5m. Vào năm 1872, sư tổ Thanh Thọ - Phước Chí từ chùa Phước Lâm lên núi để xây hang Điện.

Đến năm 1957, do tường hang đã bị hư hại nặng, nên ban quản trị núi đã phá dỡ xây lại, phần cơ bản vẫn còn đến ngày nay. Sau giải phóng 1975, người ta mới tu sửa thêm bằng cách làm thêm ngôi võ ca ở trước hang và lắp đặt thêm ống thoát khói từ một góc trần hang, dẫn khói nhang thoát ra ngoài. Bên trái (nhìn từ ngoài vào), có một nhà nhỏ làm nơi trưng bày những bộ áo mào do nhân dân tín ngưỡng dâng cúng Bà. Hai bên còn có 2 ngôi miếu nhỏ, như kiểu miếu ông Tà, trong đó đặt một viên đá có hình thù giống một linga - ngẫu tượng thờ

theo tín ngưỡng Bà La Môn. Viên đá luôn được trùm khăn đỏ.

Ngôi võ ca xây theo kiểu thường thấy ở miếu, đình Nam Bộ, diện tích khoảng 80m², cũng cấu trúc theo lối tứ trụ, chỉ có cột mà không có tường bao. Bên trên là hai tầng mái bê tông giả ngói có 8 đầu đao vươn ra bốn phía. Bên trong hang Điện có bàn thờ Bà đặt chính giữa, trên có ngai tượng Bà và hai cô thiếu nữ đứng hầu. Hai bên còn có hai bàn thờ nhỏ thờ cậu Tài, cậu Quý. Dọc hai bên hang còn có bàn thờ tứ vị sơn thần. Trong ngôi võ ca có bàn thờ Diêu Trì Địa Mẫu, áp sát tường hang và ở ngoài còn thêm một tượng Phật Bà Quan Âm hướng ra thung lũng.

Cùng trên một mặt bằng sân chung với ngôi Điện Bà, có ngôi chùa Phật, thường gọi là “chùa Bà, tên chính thức là Linh Sơn Tiên Thạch Tự. Ngôi chùa này nằm ở phía ngoài, trên sân hang Điện được xây trong khoảng cuối thế kỷ XIX dưới thời trụ trì của sư tổ Trùng Tùng- Chơn Thoại. Chùa này được cất hoàn toàn bằng gỗ cây sao, kèm theo còn có một nhà giảng. Đến năm 1922-1924, sư tổ Tâm Hoà dỡ ra xây lại bằng đá” [6, tr. 675].

Trong chiến tranh, chùa Phật cũng đã bị sập đổ và cháy rụi hoàn toàn. Chùa được Ni trưởng Thích nữ Diệu Nghĩa chủ trì xây lại, hoàn thành năm 1996. Phía ngoài chùa Phật, ở khoảng sân thấp hơn gần một mét còn có ngôi chùa Tổ, chuyên thờ cúng các vị sư tổ trụ trì qua các thời kỳ. Trước mặt chùa Tổ, chéch về bên trái còn có một ngôi nhà trù, nhà nghỉ dành làm nơi phục vụ cơm chay và nghỉ lại qua đêm cho khách hành hương. Phía ngoài, thẳng với lối lên chùa là dốc Thượng, đỉnh dốc là mặt bằng sân chùa Tổ, có một cổng cũ từ xưa còn lại. Cổng chỉ có hai trụ cột và trên nóc xây tường hình cuốn thư có đắp nổi ba chữ Việt là Núi Điện Bà; một bảng đại tự 5 chữ Hán, có nghĩa là Linh Sơn Tiên Thạch Tự. Gần cổng nhất, đối diện với ngôi chùa Tổ còn có một tháp treo quả chuông đồng nặng hơn 6 tấn.

2.2.2. Truyền thuyết về Bà Đen

Ở Tây Ninh, tín ngưỡng thờ Bà Đen (Thánh Mẫu Phật Bà) là kết quả của sự giao lưu và hỗn dung tín ngưỡng giữa tộc người Khmer - người Việt. Về nguồn gốc, hiện nay còn lưu lại 3 truyền thuyết về Bà.

Truyền thuyết thứ nhất cho rằng, ngày xưa,

chủ vùng núi này là người phụ nữ Phù Nam có tên là Rê Đeng. Do người đời sau đọc trại thành Đen.

Truyền thuyết thứ hai cho rằng, bà Đen tên thật là Lý Thị Thiên Hương, con gái một vị quan trấn nhậm Trảng Bàng thuộc triều Nguyễn tên là Lý Thiên. Mẹ là bà Đặng Ngọc Phụng, người gốc ở Bình Định vào Trảng Bàng lập nghiệp. Trong làng có chàng trai Lê Sĩ Triệt, mồ côi cha mẹ, được một nhà sư nuôi dạy từ nhỏ, văn hay võ giỏi. Lần nọ, Thiên Hương lên núi cúng chùa bị một đám côn đồ vây bắt. Giữa lúc nguy khốn, chàng Lê Sĩ Triệt xông ra đánh đuổi, cứu được nàng. Để đáp ơn chàng, cha mẹ nàng Thiên Hương hứa gả nàng cho Lê Sĩ Triệt. Chưa kịp đám cưới thì Lê Sĩ Triệt phải tòng quân đánh Tây Sơn. Khi Lê Sĩ Triệt tòng quân, ở nhà Lý Thị Thiên Hương bị kẻ xấu vây bắt, toan hãm hiếp. Giữ lòng trung trinh, nàng Hương nhảy xuống khe núi tử tiết. Sau khi chết, nàng Lý Thị Thiên Hương hiển thánh báo mộng cho vị sư trụ trì trên núi biết. Trong mộng, nàng Hương xuất hiện trong hình dáng một người phụ nữ đen đúa? Vị sư bèn đi tìm thi thể nàng đem về mai táng. Vì vậy, vị sư gọi nàng là nàng Đen. Người đời sau gọi là Bà Đen để tỏ lòng tôn kính.

Cũng với truyền thuyết này, nhưng ghi ở *Địa chí Tây Ninh* có phần kết thúc rằng: “Chàng trai Lê Sĩ Triệt phải lên đường tòng quân giữ nước. Nàng Lý Thị Thiên Hương, người con gái quê xứ Trảng Bàng thủ tiết thờ chồng. Nàng Thiên Hương là người mộ đạo. Trong một lần lên núi đi chùa lạy Phật nàng bị thác oan. Về sau nàng hiển linh luôn phù hộ cho nhân dân trong vùng được phước lành” [6, tr. 675].

Truyền thuyết thứ ba kể rằng, thuở mới khai hoang vùng đất, một viên quan trấn thủ vùng chân núi Một có 2 người con. Người con trai tên là Thạch Biên. Người con gái là Thạch Nương, có tên thường gọi là Đênh.

Khi nàng Đênh 13 tuổi, có một nhà sư tên là Trung Vân Danh, đạo hiệu Trùng Thanh tìm đến lưng chừng núi Một dựng chùa, thờ Phật và hoàng pháp độ sanh. Mộ đạo, nàng Đênh đã xin theo nhà sư Trùng Thanh học đạo. Thấy nàng Đênh xinh đẹp, quan trấn thủ Trảng Bàng cho người mai mối xin cưới cho con trai. Khi hai gia đình chuẩn bị lễ vật cho lễ cưới thì bất ngờ nàng mất tích. Gia đình hai bên cho người tìm kiếm khắp nơi thì phát hiện

một khúc chân nghi là của nàng Đênh. Mọi người đồn đoán rằng nàng Đênh đã bị cạy vờ. Gia đình mai táng khúc chân và lập mộ cho nàng dưới chân núi. Từ đó, người ta gọi ngọn núi Một là núi Bà Đênh, đọc trại dần thành Bà Đen

Dù tồn tại 3 truyền thuyết khác nhau nhưng các câu chuyện đều thống nhất thể hiện Bà là một con người khi sống có phẩm chất tốt đẹp: trung kiên, tiết hạnh, hướng Phật, khi chết thì hiển linh độ dân, giúp nước. Bà được mọi người tôn thần thờ cúng với lòng chân thành, ngưỡng vọng.

2.2.3. *Hoành phi, liễn đối Hán Nôm thể hiện tín ngưỡng đạo Mẫu*

Xuất phát từ lòng mến yêu cảnh vật, nhiều liễn đối hàm ý ca ngợi “Thạch tiên”, “Linh Sơn” hội tụ khí thiêng trời đất, nơi Bà ngự cảnh sắc “quảng huyền”, “phiêu tịnh” trang nhã.

Từ cổng Linh Sơn Tiên Thạch tự đi vào là Đại Hùng Bảo Điện (殿寶雄大), nơi xuất hiện các liễn đối sau:

石天仙頂常保祐

神主靈山廣度生

Thạch tiên Tiên đình thường bảo hộ

Thần chủ Linh Sơn quảng độ sinh.

Tiên trên núi cao thường bảo vệ, giúp đỡ

Thần chủ Linh Sơn phù hộ nhân sinh.

慈恩施國泰民安

大配天長地小

Từ ân thí quốc thái dân an

Đại đức phối thiên trường địa tiểu.

Ơn thiện giúp nước hòa bình dân yên ổn

Đức lớn nói kết khắp đất trời bao la.

靈地廣玄開乾關坤闔

山川標境古往今來

Linh địa quảng huyền khai càn quan khôn hạp

Sơn xuyên phiêu tịnh cảnh cổ vãng kim lai.

Đất thiêng nơi cửa Phật đóng mở cùng đất trời

Cảnh yên bình núi sông êm đềm qua năm

tháng.

仙嶺清幽鍾秀精華延正教

石頭啟悟靜聞似理解玄機

Tiên lĩnh thanh u chung tú tinh hoa diên chính giáo

Thạch đầu khai ngộ tĩnh văn tự lí giải huyền cơ.

Núi tiên thanh bình, u tịch hội tụ tinh hoa chính giáo

Đá thiêng khắc vắn tự nêu rõ lời dạy của Thần Tiên.

Trong cảnh sắc thanh tịnh, hiện lên hình ảnh Bà “từ ân”, “đại đức”, linh ứng tỏa rạng với nhiều công lao “bảo hộ”, “quảng độ sinh”, “quốc thái dân an”, ý chí kiên định, giúp dân an bình, nước giàu mạnh. Đó cũng chính là tinh thần của đạo Mẫu, luôn hướng tới dân sinh. Công lao to lớn đó khiến người người cảm phục suy tôn bà là Mẹ, Thánh Mẫu, Bà.

Tinh thần ca ngợi Mẫu không chỉ nhận thấy qua các hoành phi như:

栽悲慈樹

Tài từ bi thụ

Trông cây Từ Bi

風調雨順

Phong điều vũ thuận

Mưa thuận gió hòa

國泰民安

Quốc thái dân an

Đất nước hòa bình, nhân dân ấm no

Đến những liễn đối mang nhiều ý nghĩa như:

我志絕徧私是以開懷其視

世情私反覆因而長咲不言

Ngã chí tuyệt徧 tư thị dĩ khai hoài kì thị

Thế tình tư phản phú nhân nhi trường tiếu bất ngôn.

Chí ta kiên định với hoài bão vì chúng sinh

Thế thái nhân tình đối thay ta vẫn mãi cười.

生前教養得人無子而有子

沒後聲名在世雖亡也不亡

Sinh tiền giáo dưỡng đắc nhân vô tử nhi hữu tử

Một hậu thanh danh tại thế tuy vong đã bất vong.

Lúc sống, dạy dỗ được người, không con mà như có

Khi mất, tiếng tăm còn để, thân tan danh vẫn còn.

Người dân nơi đây nói riêng và khách thập phương nói chung ngưỡng vọng Thánh Mẫu uy linh, luôn mong ước Mẫu phù trì ban phước. Tâm thế hướng Mẫu, luôn nhắc nhở khuyên răn thực hiện lối sống tịnh tâm mong Mẫu ban yên bình hạnh phúc.

奏智慧花

Tấu trí tuệ hoa

Dâng hoa trí tuệ

香呈石鼎時增福

燈結珠花日進財

Hương trình thạch đỉnh thời tăng phúc

Đăng kết châu hoa nhật tấn tài .

Dâng hương đỉnh núi thời tăng phúc

Kết đèn hoa châu ngọc để thêm tài lộc.

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới được du nhập vào nước ta khoảng thế kỉ thứ III TCN. Những tư tưởng từ, bi, hỷ, xả... trong giáo lý của nhà Phật khá gần gũi với tinh thần vị tha, bao dung, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau... trong đạo lý truyền thống của người Việt. Vì vậy, Phật giáo đã nhanh chóng hoà nhập với các tín ngưỡng bản địa trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu. Các liễn đối trên Linh Sơn Thánh Mẫu vẫn còn lưu lại dấu ấn của sự hoà nhập này qua nội dung ca ngợi “pháp vũ”, “Đường Tăng tổ đạo”, hay gợi nhắc nơi đất Phật linh thiêng để so sánh với “Sơn Lĩnh” u huyền.

Cặp liễn đối đầu tiên ở Tô án trùng quang (光重印祖) là một ví dụ điển hình của sự hoà nhập tín ngưỡng và tôn giáo, dễ thấy Pháp Vũ (法雨- Nữ thần mưa) là một trong số Tứ pháp và là danh từ để chỉ các nữ thần trong tín ngưỡng Việt Nam gồm: Mây (Pháp Vân) - Mưa (Pháp Vũ) - Sấm (Pháp Lôi) - Chớp (Pháp Điện), đại diện cho các hiện tượng tự nhiên có vai trò quan trọng trong xã hội nông nghiệp. Sau này, khi Phật giáo vào Việt Nam, nhóm các nữ thần này được biến thành Tứ pháp với truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương.

靈鷲寶王城大地均霑法雨

山嶺覺皇殿普天徧覆慈雲

Linh Thứu bảo vương thành đại địa vận triêm pháp vũ

Sơn Lĩnh giác hoàng điện phổ thiên biến phú từ vân.

Linh Thứu cao quý trở thành đại địa thấm nhuận pháp vũ

Sơn Lĩnh điện vàng thức tỉnh và ban phát bóng từ vân.

祖道開通東土西天歸壺本

師恩啟教南宗北派總同源

Tổ đạo khai thông Đông thổ Tây thiên qui hồ bản

Sư ân khai giáo Nam tông bí phái tổng đồng nguyên.

Đường Tăng tổ đạo đến Tây Thiên thỉnh kinh

Ơn ngài khai phái Nam Tông từ gốc Phật giáo nguyên thủy.

靈境古傳憫念凡情弘道法
山扃寺院展開聖智作人師

Linh cảnh cổ truyền mẫn niệm phàm tình
hoàng đạo pháp

Sơn cư tự viện triển khai thánh trí tác nhân sư.

*Cảnh linh thiêng, thường niệm để hiểu thêm
phép đạo*

*Sống cảnh chùa trên núi, làm người tu hành
truyền bá thánh trí.*

2.3. Di tích Miếu Thiên Hậu

2.3.1. Lược sử

Miếu tên gọi là Miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu, tọa lạc tại khu phố 3, phường 2, thành phố Tây Ninh. Miếu được xây dựng vào khoảng năm 1887, lúc đầu ngôi miếu chỉ được làm tạm bợ bằng mái tranh, tre, lá. Cho đến năm 1905 (năm Quang Tự thứ 31) thì ngôi miếu đã được làm lại bằng cột gỗ quý, lợp ngói. Đến năm 1955, miếu Bà được tu sửa lớn, cột cùng các vì kéo đều bằng gỗ, mái lợp ngói ống với lợp ngói viền phủ màu xanh. Đến năm 1993 miếu được trùng tu, tái thiết và gìn giữ khang trang như ngày nay.

Kiến trúc miếu không lớn, tọa lạc trên một khuôn viên đất được khoanh vùng bảo vệ là 506m². Bề mặt ngôi miếu quay về hướng Tây, hàng rào xây, cổng ra có hai trụ cổng hai bên và trên cổng ghi “Thiên Hậu Thánh Mẫu”. Qua cổng là sân được lát gạch tàu, sát hàng rào là bàn “Vọng thiên” đặt dưới cây bồ đề tỏa mát quanh năm. Qua khoảng sân trồng thì đến miếu. Bước qua cửa chính miếu có bức phù điêu gỗ được gắn trên cột gỗ chính giữa miếu, được chạm lộng tinh xảo, thể hiện quan niệm của người Hoa về ba tầng: Thiên, địa, nhân. Hai bên gian đầu tiên là bàn thờ Thần Tài bên trái và bàn thờ ông Chánh Đức bên phải. Cấu trúc của lớp nhà đầu tiên giống như phần tiền đình của các đình, miếu của người Việt chỉ khác là phần này nhỏ hẹp. Qua khỏi gian đầu tiên ta thấy một khoảng sân trời gọi là sân Thiên Tĩnh, dưới là hồ nước, non bộ có đắp rồng bay phượng múa, có nghệ đá đứng châu xen với vài hoa kiềng đứng xòe lá vươn lên như đón gió và ánh trời. Đứng từ sân Thiên Tĩnh nhìn vào bên trong gian chính điện cặp hai bên gian chính điện có hai hành lang chạy về phía sau, gian chính điện là nơi thực hiện những nghi thức cúng tế theo tập quán của người Hoa và là nơi đặt bàn thờ Thiên Hậu. Gian chính điện có tứ trụ tròn phi

bằng xi măng cột thép, phía chính diện là bàn thờ bà Thiên Hậu, bên trái và bên phải của gian chính điện là bàn thờ của bà Kim Hoa và bà Long Mẫu.

Thiên Hậu Thánh Mẫu là vị hải thần trong tín ngưỡng của người Hoa. Trong quá trình di cư đến Tây Ninh, người Hoa đã mang theo tín ngưỡng này để cầu mong sự độ trì của bà cho những chuyến vượt biển thành công, cũng như để tiếp nối và gìn giữ truyền thống quê hương.

2.3.2. Truyền thuyết về Thiên Hậu

Thiên Hậu “tên thật là Lâm Mặc (林默 - Lin Mo) thường được gọi là Lâm Mặc Nương (林默娘 - Lin Moniang), sinh ngày 23 tháng 3 năm 960, là một nữ shaman nổi tiếng. Bà vốn là người Đán Dân (Tangka, còn gọi là Long nhân (龙人 - người Rồng), Giao nhân (蛟人) - một nhánh hậu duệ người Mân Việt (闽越 Minyue) cổ chuyên sống bằng nghề cá và trao đổi hàng hóa trên sông, biển” [6].

Từ nhỏ bà Lâm Mặc rất thông minh, tháo vát, giúp dân vượt hoạn nạn và dạy dân cách sống văn minh, thoát bệnh tật. Một ngày nọ bà ngủ trưa, thấy cha và anh trai gặp bão biển, bà dùng năng lực đặc biệt cứu được anh trai. Trong khi đang cố gắng cứu cha thì bà bị mẹ lay dậy nên không cứu được cha. Về sau bà thường dùng năng lực thần thánh của mình để cứu giúp dân, bao gồm dạy dân dùng rau rong biển cứu đói, cầu mưa, treo chiếu làm buồm, hàng phục hai thần Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lí Nhân, giải trừ thủy tai - quái phong, thu phục nhĩ quái, chữa bệnh cứu dân, nhận bùa dưới giếng, thăng thiên ở đảo Mi Châu... Bà qua đời ngày 9 tháng 9 năm 987 ở tuổi 28. Người đời tin rằng bà là con gái Ngọc hoàng, ban đầu dân ở đảo Mi Châu dựng miếu thờ bà, gọi là miếu Ma Tổ. Tương truyền bà thường hiển linh cứu giúp người đi biển nên dân gian ví bà là vị hải thần.

Sự thờ cúng Bà được nảy sinh vào cuối thế kỉ XI, theo thời gian, nhiều đền miếu thờ Bà được người Hoa xây dựng ở khắp nơi. Liên quan tới việc linh ứng, cứu rỗi nhân dân, giúp đất nước; nhiều truyền thuyết ra đời và lưu lại đến ngày nay.

2.3.3. Hoàn cảnh Phi, liễn đối Hán Nôm thể hiện tinh thần đạo Mẫu

Ngợi ca công đức che chở di dân trên hành trình vượt biển khơi đầy sóng gió, mưa bão của Thiên Hậu Thánh Mẫu. Đồng thời, cũng tri ân công lao phù hộ nhân dân được khỏe mạnh, bình an, tài

lộc, thịnh vượng trên vùng đất mới. Các hoành phi tuy ngắn gọn về câu chữ nhưng ẩn chứa sâu sắc bao tình cảm, cảm xúc của con dân đối với Mẫu:

恩扶中外

Ân phù trung ngoại

Ơn giúp trong ngoài

恩光普照

Ân quang phổ chiếu

Ân huệ, soi sáng rộng khắp

熱心教育

Nhiệt tâm giáo dục

Nhiệt huyết, quan tâm đến giáo dục

百年樹人

Bách niên thụ nhân

Trăm năm trồng người

Liễn đối được treo trang trọng trong Miếu ghi nhận lại hoàn cảnh, quá trình di dân gian khổ nhằm nhắc nhở mọi thế hệ con cháu mai sau về lịch sử của mình. Nhiều cặp liễn đối trong miếu sử dụng phép quán thủ, tách từ Quảng Đông, tạo vẻ đối giữa câu trên và câu dưới, nhắc nhở con cháu về nguồn gốc, dòng máu chảy trong huyết quản mình. Không những thế qua liễn đối thể hiện chí khí, quyết tâm dựng xây cuộc sống mới tươi đẹp hơn.

廣不揚波穩渡星槎遠通

東升起浪安定光芒四海

Quảng bất dương ba ổn độ tinh tha viễn thông

Đông thăng khởi lãng yên định quang mang

tứ hải.

Người Quảng Đông vượt qua sóng gió

Bắt đầu sự nghiệp rạng danh bốn biển.

廣不揚波穩渡星槎遠通

浩蕩長流水

Quảng bất dương ba ổn độ tinh tha viễn thông

Hạo dăng trường lưu thủy.

Người Quảng Đông vượt qua sóng gió

Vẫy vùng trên biển lớn.

Bên cạnh việc nhắc nhở nguồn gốc, người Hoa ở Tây Ninh còn có tinh thần hướng Mẫu, hướng thiện. Trên các liễn đối ẩn chứa tâm nguyện, khát vọng về sự lưu tồn, phát triển bền lâu trong thanh bình, hạnh phúc của dân tộc, cá nhân. Đó như những lời nguyện ước từ tâm để mỗi khi đến miếu Bà dù cuộc sống cá nhân có phức tạp vất vả bao nhiêu, dù ngành nghề sinh sống bất nhất họ được ngắm nhìn Bà và tự nghĩ suy điều chỉnh cách sống sao cho xứng đáng với Mẫu.

廣益集恩謀幸福

東成西就亨繁榮

Quảng ích tập ân, mưu hạnh phúc

Đông thành Tây tựu, hưởng phần vinh.

Người Quảng hợp ân, cầu hạnh phúc

Đông thành Tây tựu, hưởng phần vinh.

廣客潮頭源流遠

東南西北永長青

Quảng khách triều Húc nguyên lưu viễn

Đông Nam Tây Bắc vĩnh trường thanh.

Khách Quảng triều Húc mãi bền lâu

Đông Nam Tây Bắc luôn thanh bình.

每從海渡慈航萬里炮波成彼岸

亦向人看玉燕千門弧矢祝四王

Mỗi tòng hải độ từ hàng vạn lí bào ba thành

bỉ ngân

Diệc hưởng nhân khán ngọc yển thiên môn
hồ thi chúc tứ vương.

Thuyền từ bảo hộ vượt khơi xa, đến chân trời mới

Cầu trời đất giúp én nhỏ, trước ngàn lối vạn tên.

Tinh thần hướng thiện còn được thể hiện qua nội dung răn dạy bản thân, con cháu. Muốn thành công, hưởng phúc lộc không đâu khác ngoài bản thân tự tạo cho mình. Tâm thiện, lòng lành là gốc rễ mọi vấn đề tốt đẹp.

成功率在小心人

多福集於大度者

Thành công suy tại tiểu tâm nhân

Đa phúc tập ư đại độ giả.

Thành công cốt tại nhân tâm

Phúc nhiều vốn ở lòng người mà nên.

Trong quá trình sinh sống, người Hoa đã cộng cư chan hòa với người Việt bản địa, văn hóa Việt - Hoa giao lưu, họ công nhận và tiếp thu, sử dụng nội dung văn hóa của người Việt. Đó chính là tinh thần cộng đồng, đoàn kết, sống hiền hòa, gắn bó xây dựng đất Việt vững mạnh, phần vinh. Một số bức hoành phi quen thuộc tại các đình, chùa, miếu của người Việt cũng trở nên quen thuộc tại các cơ sở thờ tự của người Hoa.

國泰民安

Quốc thái dân an

Đất nước hòa bình nhân dân yên ổn

東成西就

Đông thành Tây tựu

Làm việc gì cũng thành công

風調雨順

Phong điệu vũ thuận
Mưa thuận gió hòa

3. Kết luận

Nhìn chung, các di văn Hán Nôm thể hiện tinh thần đạo Mẫu ở Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu có nhiều điểm tương đồng. Tuy hai cơ sở mang đặc trưng văn hóa tộc người khác nhau nhưng đều thống nhất ở tinh thần hướng tới nhân sinh, hiển linh phổ độ giúp dân tránh khỏi gian nan, ổn định cuộc sống, làm ăn thuận lợi. Chính từ ơn huệ Mẫu ban, con cháu thêm đoàn kết, gắn bó với nhau hơn, một lòng hướng Mẫu. Hướng tới Mẫu, kèm theo đó là lòng ngưỡng mộ, tin tưởng, ngợi ca biết ơn to lớn tới người. Không những thế, để xứng đáng với Mẫu, trong tâm các thế hệ luôn hướng thiện. Nhiều lễ hội, hoành phi mang nội dung nhắc nhở, răn dạy con cháu những điều tốt

đẹp trong lối sống của mình, xê dịch dân tới Chân - Thiện - Mỹ.

Bên cạnh những điểm tương đồng trên, tinh thần đạo Mẫu của hai cơ sở thờ tự cũng có một số điểm dị biệt. Với xu hướng hòa nhập, ảnh hưởng từ sự tu luyện của đạo Phật nên vị trí thờ tự của Linh Sơn Tiên Thạch Tự có đôi nét đặc biệt hơn Miếu Thiên Hậu. Nếu Miếu Thiên Hậu được xây dựng tại khu định cư của người Hoa trên vùng đất mới để tiện cho việc thờ tự thì chùa Bà Đen lại được lựa chọn là nơi núi non hiểm trở, phong cảnh hữu tình. Tại Linh Sơn Tiên Thạch Tự có rất nhiều hoành phi, liễn đối ngợi ca cảnh trí thanh u, nơi hội tụ khí thiêng sông núi. Linh Sơn Tiên Thạch Tự và Miếu Thiên Hậu là hai cơ sở thờ tự lớn trong tỉnh Tây Ninh, đại diện tiêu biểu cho tín ngưỡng văn hóa dân gian Mẫu, có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây./

Tài liệu tham khảo

- [1]. Thiệu Chửu (2002), *Hán - Việt tự điển*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
- [2]. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn Hóa - Thông Tin, Hà Nội.
- [3]. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [4]. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, NXB Tôn Giáo, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Ngọc Thơ (2012), “Tín ngưỡng Thiên Hậu tại Nam Bộ Việt Nam”, www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-ung-xu-voi-moi-truong-xa-hoi/2322-nguyen-ngoc-tho-tin-nguong-thien-hau-tai-nam-bo-viet-nam.html.
- [6]. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2006), *Địa chí Tây Ninh*, Công ty Cổ phần In Hoàng Lê Kha, Tây Ninh.

MAU WORSHIPPING IN TAY NINH FROM ANCIENT CHINESE - VIETNAMESE SCRIPT DOCUMENT (Survey on *Linh Sơn Thiên Thạch pagoda and Thiên Hậu temple*)

Summary

Mau worshipping is of spiritual values addressing faith, reverence, respect for Mau, wishing for good things in physical and spiritual lives. This worship plays an important role in Tây Ninh people's spiritual life. Linh Sơn Thiên Thạch pagoda and Thiên Hậu temple are typical of the worshipping places. The Mau worshipping is indicated not only in rituals, worshipped subjects and objects but also deeply in ancient Chinese-Vietnamese script document. In this article, we focus on investigating its characteristics based on the script document at these two places as such revealing Mau spirit in Tây Ninh to some extent.

Keywords: Mau worshipping, Chinese-Vietnamese script document, Linh Sơn Thiên Thạch pagoda, Thiên Hậu temple.

Ngày nhận bài: 02/11/2017; Ngày nhận lại: 26/3/2018; Ngày duyệt đăng: 4/6/2018.